1**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
HUYỆN BÌNH SƠN
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **07**/2020/HNGĐ-ST
Ngày 16/6/2020
V/v: Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Đoàn Kiều Trung**

Các hội thẩm nhân dân: **1. Bà Phạm Thị Lan**

2. Ông Bùi Tấn Sinh

- *Thư ký phiên tòa:* **Ông Trương Quang Bình** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân nhân huyện Bình Sơn tham gia phiên tòa:* **Ông Nguyễn Minh Khôi** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 58/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2020, về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01 tháng 6 năm 2020 , giữa:

Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị Tú Nh, sinh năm 1994, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt;**

Nơi cư trú: Tổ 4, thôn Gi, xã B, huyện V, tỉnh Quảng Ngãi.

Bị đơn: **anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1993, có mặt;**

Nơi cư trú: Đội 1, thôn Ph, xã B, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời trình bày tại bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn L tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 27, ngày 15/6/2016 của UBND xã B, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.

Sau khi kết hôn, vợ chồng thuê phòng trọ sinh sống tại thành phố Q, chị tiếp tục đi học còn anh L làm đầu bếp tại nhà hàng, sau đó vợ chồng có con chung với nhau. Trong thời gian chị sinh con và về nhà mẹ đẻ ở thì anh L về quê của anh

sinh sống và anh có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, giữa hai người có con với nhau. Việc anh L có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, có con riêng và anh công khai việc này, gia đình anh đều biết. Từ tháng 5 năm 2019 đến nay, vợ chồng không còn sống chung, anh L cũng không đến thăm con và cũng không đóng góp nuôi con. Nay chị thấy rằng giữa vợ chồng không thể duy trì quan hệ hôn nhân, anh L không chung thủy nên chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

Về con chung: Giữa chị và anh Nguyễn Văn L có một con chung tên là Nguyễn Thị Ru B, sinh ngày 20/4/2018, hiện chị đang chăm sóc, nuôi dưỡng và sống tại nhà cha mẹ đẻ của tôi tại xã B, huyện V, tỉnh Quảng Ngãi. Khi ly hôn, chị yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Việc cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Giữa vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chúng tôi không có nợ ai và không có ai nợ chúng tôi.

Ngoài ra, nguyên đơn không trình bày gì thêm.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất như lời trình bày của Chị Nguyễn Thị Tú Nh về việc anh chị có tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B vào năm 2016. Hiện nay vợ chồng không còn sống chung với nhau, anh sinh sống tại nhà cha mẹ đẻ thuộc xã B, chị Nh sống cùng cha mẹ đẻ tại xã B, huyện V.

Việc chị Nh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh thừa nhận trong thời gian chị Nh về nhà mẹ đẻ sinh con, anh có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác dẫn đến có con. Việc vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, không còn sống chung với nhau là do anh không chung thủy. Bản thân anh thấy rằng mình đã có lỗi trong quan hệ vợ chồng nhưng anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để lo cho con. Trường hợp chị Nh kiên quyết yêu cầu ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Giữa anh và chị Nh có một con chung như chị Nh trình bày, hiện nay cháu đang ở với mẹ. Anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi con. Trường hợp không đoàn tụ được mà ly hôn thì anh đồng ý giao con cho chị Nh tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh L xác định giữa vợ chồng có đầu tư tài chính (đồng CPT Coin - tiền ảo), chị Nh đứng tên tài khoản. Anh yêu cầu chị Nh chuyển thông tin về tài khoản đầu tư tiền ảo sang cho anh. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay, anh L xác định vợ chồng có tài sản chung nhưng anh không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung về tài sản: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Ngoài ra, bị đơn không trình bày gì thêm.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Việc tuân thủ pháp luật tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với chị Nh vắng mặt tại phiên tòa và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử mà không phải hoãn phiên tòa.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy giữa Chị Nguyễn Thị Tú Nh và anh Nguyễn Văn L có nhiều mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân, vợ chồng không còn sống chung với nhau, anh Nguyễn Văn L vi phạm các quy định về quyền và nghĩa vụ của vợ chồng nên việc chị Nh yêu cầu ly hôn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nh, tuyên xử chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

+ Về con chung: Xét thấy con chung đang dưới ba mươi sáu tháng tuổi, căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho Chị Nguyễn Thị Tú Nh tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

+ Việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Tú Nh không yêu cầu nên không xét.

+ Về tài sản chung: Tại phiên tòa, anh L xác định vợ chồng có tài sản chung nhưng anh không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

+ Về nghĩa vụ tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

- Kiến nghị: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tú Nh và anh Nguyễn Văn L có tự nguyện tìm hiểu trước khi kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 15 tháng 6 năm 2016 nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Mâu thuẫn giữa vợ chồng phát sinh là do anh Nguyễn Văn L không chung thủy, có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác và có con riêng. Trong quá trình Tòa án tiến hành hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, anh L thừa nhận việc anh ngoại tình, có con riêng và anh đồng ý ly hôn nhưng anh không ký biên bản hòa giải.

Hội đồng xét xử thấy rằng nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa vợ chồng là do anh L không chung thủy, vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân rơi vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc chị Nh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh L là có căn cứ, phù hợp với tình trạng hôn nhân thực tế nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cần xử cho Chị Nguyễn Thị Tú Nh được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

[2] Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị Tú Nh và anh Nguyễn Văn L xác định giữa anh chị có một con chung tên là Nguyễn Thị Ru B, sinh ngày 20/4/2018, hiện chị Nhi chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nh yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; anh L đồng ý giao con chung cho chị Nh chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng anh không ký biên bản hòa giải. Tại phiên tòa hôm nay, anh đồng ý giao con chung cho chị Nh tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Hội đồng xét xử thấy rằng cháu Nguyễn Thị Ru B hiện đang dưới 36 tháng tuổi và từ trước đến nay, chị Nh là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, bản thân chị hiện có công việc và thu nhập, đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Tại phiên tòa, anh L đồng ý và tự nguyện giao con chung cho chị Nh nuôi dưỡng. Căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao cháu Nguyễn Thị Ru B cho Chị Nguyễn Thị Tú Nh được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

[3] Việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Nh không yêu cầu nên không xét

[4] Về quan hệ tài sản chung: Xét thấy tại phiên tòa hôm nay, anh L trình bày vợ chồng có tài sản chung nhưng anh không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[5] Về quan hệ nợ chung: Chị Nguyễn Thị Tú Nh và anh Nguyễn Văn L xác định giữa anh chị không có nghĩa vụ chung về tài sản, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[6] Về quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Tú Nh phải chịu 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* nhưng được khấu trừ số tiền chị đã nộp tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 235, Điều 264, Điều 266, Điều 267, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tú Nh được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Ru B, sinh ngày 20 tháng 4 năm 2018 cho Chị Nguyễn Thị Tú Nh tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục (cháu Nguyễn Thị Ru B đang sống cùng chị Nh).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom con chung. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và các quy định khác của pháp luật.

3. Việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Tú Nh không yêu cầu nên không xét.

4. Về quan hệ tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

5. Về quan hệ nợ chung: Không có.

6. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Tú Nh phải chịu 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* nhưng được khấu số tiền chị đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000669, ngày 04/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt anh Nguyễn Văn L, vắng mặt Chị Nguyễn Thị Tú Nh. Thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày tuyên án (16/6/2020).

Riêng Chị Nguyễn Thị Tú Nh được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã nơi xư trú./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND, Chi cục THADS huyện Bình Sơn;
- UBND xã B, huyện N *(Đăng ký kết hôn số 27, ngày 15/6/2016)*;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đoàn Kiều Trung